

Số: 1074/QĐ-PGD

Nam Định, ngày 27 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu cắt giảm, tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2025
đối với các đơn vị dự toán trực thuộc

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/06/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phạm vi, đối tượng tiết kiệm chi thường xuyên năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 19/12/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Nam Định về việc phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2728/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Nam Định về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 7795/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của UBND thành phố Nam Định về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số: 5152/QĐ-UBND ngày 27/06/2025 của UBND thành phố về việc giao chỉ tiêu cắt giảm, tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2025 đối với các cơ quan đơn vị, các ban ngành, đoàn thể trực thuộc thành phố Nam Định;

Xét đề nghị của bộ phận kế hoạch tài chính Phòng Giáo dục Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu tiết kiệm, cắt giảm 10% chi thường xuyên ngân sách nhà nước được để lại theo chế độ được giao đầu năm 2025 đối với các đơn vị dự toán trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo theo Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/06/2025 của Chính phủ với tổng số tiền là: **2.113.000.000đ (Hai tỷ, một trăm mười ba triệu đồng)** (có danh sách chi tiết kèm theo).

Điều 2: Các đơn vị sử dụng ngân sách có trách nhiệm sắp xếp nhiệm vụ chi thường xuyên trong phạm vi dự toán còn lại (sau khi đã tiết kiệm chi thường xuyên) đảm bảo thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ đã được giao đầu năm;

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thi hành quyết định./.

Nơi nhận:

- Phòng TCKH TP;
- Phòng GD số, KBNN V IV;
- Đơn vị sử dụng NS
- Lưu VP, KHTC.

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thế Lâm

PHỤ LỤC

GIAO CHỈ TIÊU TIẾT KIỆM, CẮT GIẢM 10% CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025 kinh phí SNGD theo Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/06/2025

(Kèm theo Quyết định số: 1074/QĐ-PGD ngày 27/06/2025 của PGD ĐT TP Nam Định)

Đơn vị tính: 1.000đ

STT	TRƯỜNG	Kinh phí cắt giảm 10% theo NQ 173/NQ-CP	Trong đó			Ghi chú
			Từ nguồn chi thường xuyên NSNN	Từ thu phí được khấu trừ để lại	Từ nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại	
A	B	3	4	5	6	7
	Tổng cộng	2.113.000	2.113.000			
I	Các trường mầm non	551.000	551.000			C622 - K071 - Nguồn KP tự chủ
1	Mầm non số 1	6.400	6.400			
2	Mầm non số 4	16.000	16.000			
3	Mầm non Số 5	12.100	12.100			
4	Mầm non 8/3	21.500	21.500			
5	Mầm non 2/9	9.600	9.600			
6	Mầm non Hoa Hồng	24.200	24.200			
7	Mầm non Sao Vàng	25.500	25.500			
8	Mầm non Hoa Sen	10.900	10.900			
9	Mầm non Hàn Thuyên	8.900	8.900			
10	Mầm non Họa My	26.600	26.600			
11	Mầm non Văn Miếu	20.300	20.300			
12	Mầm non Hoa Mai	17.200	17.200			
13	Mầm non Ngô Quyền	8.900	8.900			
14	Mầm non Hùng Vương	17.200	17.200			
15	Mầm non Bình Minh	14.000	14.000			
16	Mầm non Nguyễn Du	19.800	19.800			
17	Mầm non Phương Hồng	10.800	10.800			
18	Mầm non Thống Nhất	14.500	14.500			
19	Mầm non Lộc An	10.900	10.900			
20	Mầm non Lộc Hạ	17.900	17.900			
21	Mầm non Lộc Hòa	15.100	15.100			
22	Mầm non Lộc Vượng	10.200	10.200			
23	Mầm non Nam Phong	15.300	15.300			
24	Mầm non Nam Vân	17.900	17.900			
25	Mầm non Mỹ Xá	15.100	15.100			

STT	TRƯỜNG	Kinh phí cắt giảm 10% theo NQ 173/NQ-CP	Trong đó			
			Từ nguồn chi thường xuyên NSNN	Từ thu phí được khấu trừ để lại	Từ nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại	Ghi chú
26	Mầm non Mỹ Thuận	17.400	17.400			
27	Mầm non Mỹ Thịnh	13.900	13.900			
28	Mầm non Mỹ Thành	12.500	12.500			
29	Mầm non Mỹ Tiến	12.500	12.500			
30	Mầm non Mỹ Hưng	16.800	16.800			
31	Mầm non Mỹ Thắng	11.600	11.600			
32	Mầm non Mỹ Hà	17.400	17.400			
33	Mầm non Mỹ Phúc	19.500	19.500			
34	Mầm non Mỹ Trung	13.200	13.200			
35	Mầm non Mỹ Tân	18.600	18.600			
36	Mầm non Hưng Lộc	10.800	10.800			
2	Các trường tiểu học	995.000	995.000			C622 - K072 - Nguồn KP tự chủ
1	TH Chu Văn An	48.700	48.700			
2	TH Nguyễn Văn Cừ	16.500	16.500			
3	TH Lê Quý Đôn	33.000	33.000			
4	TH Kim Đồng	33.900	33.900			
5	TH Trần Văn Lan	24.400	24.400			
6	TH Hồ Tùng Mậu	44.400	44.400			
7	TH Trần Phú	14.800	14.800			
8	TH Lê Hồng Sơn	26.100	26.100			
9	TH Phạm Hồng Thái	29.600	29.600			
10	TH Trần Quốc Toản	37.400	37.400			
11	TH Nguyễn Trãi	43.500	43.500			
12	TH Nguyễn Văn Trỗi	26.100	26.100			
13	TH Hùng Vương	29.600	29.600			
14	TH Nguyễn Viết Xuân	41.700	41.700			
15	TH Trần Tế Xương	22.600	22.600			
16	TH Trần Nhân Tông	41.700	41.700			
17	TH Nguyễn Tất Thành	20.900	20.900			
18	TH Lộc An	15.700	15.700			
19	TH Lộc Hạ	24.400	24.400			
20	TH Lộc Hòa	18.300	18.300			
21	TH Lộc Vượng	22.600	22.600			

STT	TRƯỜNG	Kinh phí cắt giảm 10% theo NQ 173/NQ-CP	Trong đó			
			Từ nguồn chi thường xuyên NSNN	Từ thu phí được khấu trừ để lại	Từ nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại	Ghi chú
22	TH Nam Phong	23.500	23.500			
23	TH Nam Vân	28.700	28.700			
24	TH Mỹ Xá	40.900	40.900			
25	TH Cửa Nam	16.500	16.500			
26	TH Mỹ Thuận	20.800	20.800			
27	TH Mỹ Thịnh	18.300	18.300			
28	TH Mỹ Thành	16.500	16.500			
29	TH Mỹ Tiến	16.500	16.500			
30	TH Mỹ Hưng	34.800	34.800			
31	TH Mỹ Thắng	31.300	31.300			
32	Th Mỹ Hà	25.200	25.200			
33	TH Mỹ Phúc	28.700	28.700			
34	TH Mỹ Trung	22.600	22.600			
35	TH Mỹ Tân	36.500	36.500			
36	TH Trần Quang Khải	18.300	18.300			
3	Các trường THCS	567.000	567.000			C622 - K073 - Nguồn KP tự chủ
1	THCS Tô Hiệu	14.000	14.000			
2	THCS Phùng Chí Kiên	35.500	35.500			
3	THCS Trần Đăng Ninh	34.500	34.500			
4	THCS Lý Thường Kiệt	17.400	17.400			
5	THCS Trần Bích San	25.500	25.500			
6	THCS Hoàng Văn Thụ	32.900	32.900			
7	THCS Hàn Thuyên	33.900	33.900			
8	THCS Tổng Văn Trân	22.600	22.600			
9	THCS Lý Tự Trọng	26.100	26.100			
10	THCS Quang Trung	15.300	15.300			
11	THCS Lương Thế Vinh	29.200	29.200			
12	THCS Lộc An	12.100	12.100			
13	THCS Lộc Hạ	14.100	14.100			
14	THCS Lộc Hòa	14.500	14.500			
15	THCS Lộc Vượng	15.700	15.700			
16	THCS Nam Phong	17.400	17.400			
17	THCS Lê Đức Thọ	18.000	18.000			

STT	TRƯỜNG	Kinh phí cắt giảm 10% theo NQ 173/NQ-CP	Trong đó			
			Từ nguồn chi thường xuyên NSNN	Từ thu phí được khấu trừ để lại	Từ nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại	Ghi chú
18	THCS Mỹ Xá	24.000	24.000			
19	THCS Mỹ Thuận	16.700	16.700			
20	THCS Mỹ Thịnh	13.200	13.200			
21	THCS Mỹ Thành	14.600	14.600			
22	THCS Mỹ Tiến	13.900	13.900			
23	THCS Mỹ Hưng	26.600	26.600			
24	THCS Mỹ Thắng	15.100	15.100			
25	THCS Mỹ Hà	16.700	16.700			
26	THCS Mỹ Phúc	18.100	18.100			
27	THCS Mỹ Trung	13.200	13.200			
28	THCS Mỹ Tân	16.200	16.200			